

Số: **70** /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày **07** tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về
Bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016-2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bình đẳng giới ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Quyết định số 2351/QĐ-TTg ngày 24/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020; Quyết định số 1696/QĐ-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016- 2020

Xét đề nghị của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 03/TTr-LĐTĐBXH ngày 04 tháng 01 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016-2020.

Điều 2: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Các thành viên Ban vì sự tiến bộ phụ nữ; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Ban vì sự tiến bộ phụ nữ tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Bộ LĐ-TBXH (B/c);
- Thường trực Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (B/c);
- UBMTTQ tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND và Đoàn ĐBQH;
- Văn phòng Tỉnh ủy và các ban của Tỉnh ủy;
- Phó Văn phòng (VX) UBND tỉnh;
- Tổ CV: VX, TH, TM, NC;
- Lưu: VT UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Xuân Đại

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016-2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 70./QĐ-UBND

Ngày 07 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Nghệ An)

Ngày 24/12/2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2351/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020. Căn cứ kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới tỉnh Nghệ An giai đoạn 2011-2015; Quyết định số 1696/QĐ-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016- 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016-2020 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh; tổ chức các hoạt động hỗ trợ, xúc tiến việc lồng ghép giới trong quá trình xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật, chương trình, dự án của địa phương; tổ chức các hoạt động hỗ trợ thực hiện bình đẳng giới trong một số lĩnh vực và các vùng có khoảng cách lớn về bình đẳng giới.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự phối hợp của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp, sự tham gia của mỗi cá nhân, từng gia đình và cả cộng đồng đối với công tác bình đẳng giới. Huy động tối đa mọi nguồn lực để thực hiện có hiệu quả công tác bình đẳng giới.

II. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu tổng quát:

Đến năm 2020, về cơ bản, bảo đảm bình đẳng thực chất giữa nam và nữ về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội, góp phần vào sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

2. Các mục tiêu cụ thể đến năm 2020 (có phụ lục đính kèm)

Mục tiêu 1: Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý lãnh đạo, nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị.

- Chỉ tiêu 1: Phần đầu đạt tỷ lệ nữ tham gia các cấp ủy Đảng nhiệm kỳ 2016-2020 đạt từ 25% trở lên; tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2020 từ 30 % trở lên.

- Chỉ tiêu 2: Phần đầu đến năm 2020 có 50 % các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và UBND các cấp có cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ.

- Chỉ tiêu 3: Phần đầu đến năm 2020 đạt 100% cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội đạt 30% tỷ lệ nữ trở lên có lãnh đạo chủ chốt là nữ.

Mục tiêu 2: Giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm, tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động.

- Chỉ tiêu 1: Hàng năm, trong tổng số người được tạo việc làm mới bảo đảm ít nhất 40% cho mỗi giới (nam và nữ).

- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp đạt 30%.

- Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ lao động nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật đạt 20%.

- Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ nữ ở vùng nông thôn nghèo, vùng dân tộc thiểu số có nhu cầu được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức đạt 85%.

Mục tiêu 3: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Chỉ tiêu 1: Phổ cập biết chữ cho 99,5% nam giới và phụ nữ ở độ tuổi từ 15 đến 40 tuổi ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn.

- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nữ thạc sỹ đạt 50%, tỷ lệ nữ tiến sỹ đạt 25%.

Mục tiêu 4: Bảo đảm bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

- Chỉ tiêu 1: Tỷ số giới tính khi sinh không vượt quá 115 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái.

- Chỉ tiêu 2: Giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản xuống 52/100.000 trẻ đẻ sống.

- Chỉ tiêu 3: Tăng tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con lên 45%.

- Chỉ tiêu 4: Giảm tỷ lệ phá thai xuống dưới 25/100 trẻ đẻ sống.

- Chỉ tiêu 5: Tỷ lệ nữ mang thai được khám đủ 3 lần/3 kỳ thai ghécn trở lên đạt 85% (chưa bao gồm số liệu tổng hợp của cơ sở y tế ngoài công lập).

Mục tiêu 5: *Bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa thông tin - truyền thông*

- Chỉ tiêu 1: Giảm thiểu tối đa sản phẩm văn hóa, thông tin mang định kiến giới. Tăng thời lượng phát sóng các chương trình phát thanh - truyền hình, chuyên mục và số lượng sản phẩm tuyên truyền, giáo dục về bình đẳng giới.

- Chỉ tiêu 2: Có 100% Đài Phát thanh và đài truyền hình ở các huyện, thành phố, thị xã; Đài truyền thanh ở xã, phường, thị trấn có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới.

Mục tiêu 6: *Bảo đảm bình đẳng giới trong đời sống gia đình, từng bước xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới.*

- Chỉ tiêu 1: Rút ngắn khoảng cách về thời gian tham gia công việc gia đình của nữ so với nam xuống 1,5 lần.

- Chỉ tiêu 2: Đạt 50 % số nạn nhân của bạo lực gia đình được phát hiện, được tư vấn về pháp lý và sức khỏe, được hỗ trợ và chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình. Đạt 85 % số người gây bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn tại các cơ sở tư vấn về phòng chống bạo lực gia đình.

- Chỉ tiêu 3: Có 100 % số nạn nhân bị buôn bán trở về thông qua trả, được giải cứu, số nạn nhân bị buôn bán trở về được phát hiện được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng.

Mục tiêu 7: *Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới*

Chỉ tiêu 1: Có 100% dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới.

Chỉ tiêu 2: Có 100% thành viên các Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được tập huấn kiến thức về giới, phân tích giới và lồng ghép giới.

Chỉ tiêu 3: Bố trí đủ cán bộ làm công tác bình đẳng giới ở Sở Lao động-TB&XH; 100% các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, cấp huyện bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm làm công tác bình đẳng giới; hình thành đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ ở cấp huyện và cấp cơ sở.

Chỉ tiêu 4: Có 100% cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp, các ngành được tập huấn ít nhất một lần.

Chỉ tiêu 5: Bộ chỉ số giám sát, đánh giá thực hiện Luật bình đẳng giới được áp dụng.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Tăng cường sự lãnh đạo chỉ đạo của cấp uỷ Đảng đối với công tác bình đẳng giới

- Các cấp uỷ Đảng đưa nội dung bình đẳng giới vào nhiệm vụ chính trị của địa phương và công tác chuyên môn của ngành. Hàng năm, thực hiện lồng ghép giới trong xây dựng kế hoạch hành động của ngành, địa phương, ban hành văn bản chỉ đạo cụ thể cho việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu Chiến lược Quốc gia và kế hoạch hành động hàng năm. Coi đây là một tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị, địa phương hàng năm.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ quản lý công tác bình đẳng giới ở các cấp.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành để thực hiện có hiệu quả công tác bình đẳng giới.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về giới và ý thức trách nhiệm thực hiện bình đẳng giới cho cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân; lên án đấu tranh chống tư tưởng coi thường phụ nữ, các hành vi phân biệt đối xử, xâm hại, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ. Đưa nội dung giáo dục về giới, Luật bình đẳng giới vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng trong các trường chính trị và trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Đẩy mạnh việc xây dựng gia đình văn hóa, trong đó lấy tiêu chí bình đẳng giới trong gia đình làm cơ sở xét duyệt. Tiếp tục mở rộng các mô hình câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững, câu lạc bộ gia đình hạnh phúc, bình đẳng và không có bạo lực, thu hút sự tham gia tích cực của nam giới vào hoạt động này. Xây dựng và thực hiện thí điểm mô hình tư vấn, hỗ trợ phòng chống bạo lực trên cơ sở giới.

- Tổ chức diễn đàn giao lưu giữa các cá nhân, tập thể điển hình tiêu biểu thực hiện tốt công tác bình đẳng giới và lãnh đạo các cấp, các ngành nhằm nâng cao nhận thức của các cấp lãnh đạo về bình đẳng giới. Tổ chức trao đổi thông tin, học tập kinh nghiệm các mô hình hoạt động về bình đẳng giới hiệu quả với các địa phương, các tỉnh bạn.

- Xây dựng các mô hình truyền thông lồng ghép bình đẳng giới trong các tổ chức Hội và các ngành để tuyên truyền cho cán bộ lãnh đạo và các tầng lớp nhân dân các nội dung liên quan đến bình đẳng giới.

- Tổ chức tập huấn kiến thức giới, phân tích giới, kỹ năng giám sát, đánh giá, kỹ năng truyền thông, tham vấn, kỹ năng điều tra, khảo sát tách biệt giới, phân tích giới cho các báo cáo viên, cho cán bộ làm công tác bình đẳng giới cấp tỉnh, huyện và cơ sở.

giới, phân tích giới cho các báo cáo viên, cho cán bộ làm công tác bình đẳng giới cấp tỉnh, huyện và cơ sở.

- Hằng năm, triển khai thực hiện “Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới” từ ngày 15/11 đến ngày 15/12 với các hoạt động chính sau: Xây dựng chủ đề và thông điệp truyền thông cho tháng hành động; tuyên truyền, biểu dương, khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới

3. Nâng cao năng lực cho phụ nữ để tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển

- Thực hiện chính sách hỗ trợ phụ nữ trong đào tạo, bồi dưỡng, tiếp cận thông tin, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, chính sách đào tạo nghề cho lao động nữ. Chú trọng và tạo điều kiện thuận lợi trong đào tạo nghề cho lao động nữ ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng nhanh tỷ lệ nữ được đào tạo trung cấp nghề, cao đẳng nghề.

- Khuyến khích và có cơ chế hỗ trợ phụ nữ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, thực hiện cơ chế chính sách giải quyết việc làm cho lao động nữ, tạo điều kiện về nhà ở, chăm lo đời sống văn hoá, tinh thần cho lao động nữ làm việc tại khu công nghiệp tập trung.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện để phụ nữ dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa xoá mù chữ, phổ cập các cấp học phổ thông.

- Nâng cao trình độ năng lực cho cán bộ làm công tác y tế, chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ y tế chuyên ngành về sức khoẻ sinh sản; Tăng cường cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản cho phụ nữ và nam giới.

- Tập trung thực hiện hoạt động hỗ trợ thực hiện bình đẳng giới trong một số lĩnh vực và vùng có khoảng cách lớn về bình đẳng giới.

4. Kinh phí thực hiện

Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính cho công tác bình đẳng giới, bao gồm: ngân sách nhà nước các cấp (theo phân cấp ngân sách hiện hành); lồng ghép các chính sách, chương trình, dự án khác; huy động từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

5. Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về bình đẳng giới

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch công tác bình đẳng giới, hàng năm có cơ chế chính sách phù hợp để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu chiến lược đã đề ra.

- Rà soát và bố trí đủ cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp; hình thành đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ, đặc biệt là ở thôn, xóm, bản làng, cụm dân cư; xây dựng mạng lưới chuyên gia về giới trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND cấp huyện huyện bố trí 01 cán bộ chuyên trách, cấp xã bố trí 01 cán bộ kiêm nhiệm hoạt động công tác bình đẳng giới.

- Bồi dưỡng kỹ năng phân tích, đánh giá và lồng ghép giới cho đội ngũ cán bộ, công chức tham gia hoạch định chính sách và xây dựng các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Tổ chức các đợt tập huấn kiến thức về giới, phân tích giới và lồng ghép giới cho thành viên các Ban soạn thảo, tổ biên tập xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về bình đẳng giới.

- Phát triển các hệ thống dịch vụ có chất lượng nhằm hỗ trợ nữ và nam bình đẳng về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tăng cường xã hội hoá trong việc tổ chức các hoạt động về bình đẳng giới.

- Tăng cường công tác nghiên cứu, điều tra xã hội học về bình đẳng giới phục vụ xây dựng Bộ chỉ số giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Luật bình đẳng giới cấp Tỉnh.

IV. PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã tổ chức triển khai Kế hoạch trên phạm vi toàn tỉnh, bảo đảm gắn kết chặt chẽ với các kế hoạch liên quan do các Sở, ngành khác chủ trì thực hiện; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hàng năm về bình đẳng giới phù hợp với Kế hoạch này và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 – 2020; Hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch, định kỳ báo cáo UBND tỉnh, tổ chức tổng kết Kế hoạch vào cuối năm 2020.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các Sở, ngành liên quan lồng ghép chỉ tiêu về bình đẳng giới vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, hướng dẫn lồng ghép chỉ tiêu về bình đẳng giới vào việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội các cấp. Đồng thời thực hiện lồng ghép có hiệu quả các chương trình, dự án đầu tư trên địa bàn gắn với mục tiêu bình đẳng giới.

3. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan, căn cứ khả năng ngân sách tỉnh hàng năm và dự toán kinh phí công tác quản lý nhà nước về bình đẳng giới, thẩm định báo cáo UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh bố trí ngân sách để thực hiện. Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng kinh phí thực hiện cho công tác bình đẳng giới và Vì sự tiến bộ phụ nữ đã được phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác liên quan.

4. Sở Tư pháp: Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các Sở, ban, ngành liên quan thực hiện đánh giá việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới trong phạm vi điều chỉnh của văn bản; Xây dựng và tổ chức tập huấn, tuyên truyền phổ biến các văn bản liên quan đến công tác bình đẳng giới; thực hiện trợ giúp pháp lý cho nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới.

5. Sở Nội vụ: Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh và các cơ quan liên quan tham gia xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy định về quy hoạch, tạo nguồn cán bộ nữ, tỷ lệ nữ để bổ nhiệm các chức danh trong các cơ quan nhà nước; rà soát, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy định về tuổi bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng nữ cán bộ, công chức, viên chức. Chủ trì hướng dẫn các Sở, ngành và UBND cấp huyện lập kế hoạch hàng năm về biên chế công chức làm công tác bình đẳng giới; thực hiện việc lồng ghép kiến thức về giới và bình đẳng giới trong đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

6. Sở Y tế : Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các Sở, ngành liên quan, Hội Liên hiệp Phụ nữ và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tổ chức triển khai Kế hoạch Dân số - Sức khỏe sinh sản giai đoạn 2016- 2020 sau khi được phê duyệt; đẩy mạnh công tác tuyên truyền cảnh báo và chủ động kiểm soát, giải quyết các nguyên nhân sâu xa làm mất cân bằng giới tính ở trẻ sơ sinh.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển giáo dục giai đoạn 2016- 2020, lồng ghép các nội dung giáo dục về giới, giới tính, sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới cho học sinh, sinh viên; bồi dưỡng cho giáo viên, giảng viên về giới, giới tính, sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới; lồng ghép các vấn đề bình đẳng giới vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành.

8. Sở Thông tin và Truyền thông: Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tăng cường hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh và đổi mới các hoạt động truyền thông, giáo dục về chủ

trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bình đẳng giới; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động về thông tin, báo chí, xuất bản (bao gồm xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm), thông tin trên Internet về bình đẳng giới và liên quan đến bình đẳng giới; xử lý nghiêm những hành vi xuất bản các ấn phẩm, sản phẩm thông tin có định kiến giới.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các Sở, ngành liên quan, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển gia đình Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020; xây dựng và triển khai các hoạt động can thiệp phòng, chống bạo lực gia đình; lồng ghép các nội dung về bình đẳng giới vào các thiết chế văn hóa hướng tới mục tiêu gia đình ít con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững.

10. Công an tỉnh : Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng và triển khai thực hiện các hoạt động phòng, chống tội phạm buôn bán người, nhất là tội phạm buôn bán phụ nữ và trẻ em gái.

11. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng, chỉ đạo thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học về bình đẳng giới.

12. Ủy ban Dân tộc tỉnh: Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các Sở, ngành liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới cho đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành, hướng dẫn và tổ chức thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới tại các huyện vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; vận động đồng bào dân tộc thiểu số phát huy các phong tục, tập quán và truyền thống tốt đẹp của dân tộc phù hợp với mục tiêu bình đẳng giới.

13. Đài Truyền hình Nghệ An, Báo Nghệ An và các cơ quan thông tin đại chúng khác: Tăng thời lượng phát sóng, số lượng tin, bài viết và nâng cao chất lượng tuyên truyền về bình đẳng giới trong các chương trình, chuyên trang, chuyên mục.

14. Các Sở, ban, ngành: Tham gia thực hiện Kế hoạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ đã được giao; trách nhiệm thành viên Ban vì sự tiến bộ của tỉnh; xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch hành động hằng năm và định kỳ 5 năm để triển khai thực hiện Kế hoạch; đẩy mạnh phối hợp liên ngành, đặc biệt trong việc lồng ghép các vấn đề bình đẳng giới trong công tác kế hoạch hóa và hoạch định chính sách; kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch trong ngành, đơn vị mình.

15. UBND các huyện, thành thị: Trên cơ sở Kế hoạch này và các văn bản có liên quan: Xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch hành động 5 năm và hằng năm về bình đẳng giới phù hợp với Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016 – 2020 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong cùng thời kỳ; phát huy tính sáng tạo, chủ động, tích cực trong việc huy động nguồn lực để thực hiện Kế hoạch; lồng ghép việc thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này với các Kế hoạch khác có liên quan trên địa bàn; bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm làm công tác bình đẳng giới; hình thành đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ ở cấp huyện và cấp cơ sở; đẩy mạnh phối hợp liên ngành, đặc biệt trong việc lồng ghép các vấn đề về bình đẳng giới trong công tác hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch tại địa phương; thực hiện chế độ báo cáo hàng năm việc thực hiện Kế hoạch trên địa bàn theo quy định hiện hành.

16. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và các tổ chức thành viên: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình và thành viên Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ của tỉnh, tham gia tổ chức triển khai Kế hoạch; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về bình đẳng giới trong tổ chức mình; tham gia xây dựng chính sách, pháp luật, tham gia quản lý nhà nước về bình đẳng giới; tham gia giám sát việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Xuân Đại

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh Nghệ An
giai đoạn 2016-2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 72 ngày 07 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh)

TT	MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2016-2020					Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện
			2016	2017	2018	2019	2020	
I	Mục tiêu 1: Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị							
1	Tỷ lệ nữ tham gia các cấp ủy Đảng	(%)	16,21	19,3	20,6	21,6	25	Ban Tổ chức Tỉnh ủy
1.1	Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy Đảng: Tỉnh Đảng bộ	(%)	11,2	14	14,5	15	20	
1.2	Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy Đảng: Huyện Đảng bộ	(%)	16,35	20	22	23	25	
1.3	Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy Đảng: Đảng bộ xã	(%)	21,1	25	26	27	30	
2	Tỷ lệ nữ Đại biểu Quốc hội	(%)	23,1	24	25	26	30	Sở Nội vụ
3	Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp	(%)	22,8	25	26,6	27,6	30	
3.1	Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	(%)	17,65	20	22	24	25	
3.2	Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện	(%)	27,97	29	32	34	35	
3.3	Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã	(%)	22,84	26	28	29	30	
4	Tỷ lệ các sở, ban, ngành và UBND các cấp có cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ	(%)	44,4	48	51,3	54,3	56,6	
4.1	Tỷ lệ các sở, ban, ngành và UBND tỉnh có cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ	(%)	38,1	42	46	48	50	
4.2	Tỷ lệ cơ quan HĐND, UBND cấp huyện có cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ	(%)	71,43	74	76	78	80	
4.3	Tỷ lệ cơ quan HĐND, UBND cấp xã có cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ	(%)	23,96	28	32	37	40	
5	Tỷ lệ cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội có lãnh đạo chủ chốt là nữ nếu ở cơ quan, tổ chức có tỷ lệ 30% trở lên nữ cán bộ, công chức, viên chức	(%)	86	90	95	99	100	Ban Tổ chức Tỉnh ủy
5.1	Tỷ lệ cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh có lãnh đạo chủ chốt là nữ	(%)	83	90	95	100	100	
5.2	Tỷ lệ cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện có lãnh đạo chủ chốt là nữ	(%)	90	92	95	97	100	
5.3	Tỷ lệ cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã có lãnh đạo chủ chốt là nữ	(%)	85	90	95	100	100	

TT	MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2016-2020					Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện
			2016	2017	2018	2019	2020	
II	Mục tiêu 2: Giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; Tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động							
1	Hàng năm, trong tổng số người được tạo việc làm mới, bảo đảm ít nhất 40% cho mỗi giới							<i>Sở LĐ-TB&XH</i>
1.1	Tỷ lệ nam được tạo việc làm mới	(%)	58	57,5	57	56,5	56	
1.2	Tỷ lệ nữ được tạo việc làm mới	(%)	42	42,5	43	43,5	44	
2	Tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp	(%)	26	27	28	29	30	<i>Sở KH-ĐT</i>
3	Tỷ lệ nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn KT	(%)	16,3	17	17,9	18,9	20	<i>Sở LĐ-TB&XH</i>
4	Tỷ lệ nữ vùng nông thôn nghèo, DTTS được vay vốn ưu đãi	%	80	81,1	82,3	83,2	84	<i>Ngân hàng CSXH</i>
III	Mục tiêu 3: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo							
1	Tỷ lệ phổ cập biết chữ cho nam trong độ tuổi 15-40 ở vùng sâu, vùng DTTS	(%)	99,4	99,4	99,4	99,4	99,5	<i>Sở GD và Đào tạo</i>
2	Tỷ lệ phổ cập biết chữ của nữ trong độ tuổi 15-40 ở vùng sâu, vùng DTTS	(%)	99,4	99,4	99,4	99,4	99,5	
3	Tỷ lệ nữ thạc sỹ	(%)	46	47	48	49	50	<i>Sở Nội vụ; Cục Thống kê</i>
4	Tỷ lệ nữ Tiến sỹ	(%)	21	22	23	24	25	
IV	Bảo đảm bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe							
1	Tỷ số giới tính khi sinh: trẻ sơ sinh trai/trẻ sơ sinh gái.	(%)	115/100	115/100	115/100	115/100	115/100	<i>Sở Y tế</i>
2	Giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản xuống dưới (‰)	(‰)	52/100.000	52/100.000	52/100.000	52/100.000	52/100.000	
3	Tăng tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc và dự truyền lây truyền HIV từ mẹ sang con	(%)	40	42	42	44	45	
4	Giảm tỷ lệ phụ nữ phá thai dưới 25/100 trẻ đẻ sống	(%)	25/100	25/100	25/100	25/100	25/100	
5	Tỷ lệ phụ nữ có thai được khám 3 lần/3 kỳ thai nghén (<i>Số liệu tại các cơ sở y tế công lập</i>)	(%)	80	82	82	84	85	

TT	MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2016-2020					Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện
			2016	2017	2018	2019	2020	
V	Bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa, thông tin							
1	Giảm được bao nhiêu sản phẩm văn hóa mang tính định kiến giới	%	Giảm thiểu tối đa	Giảm thiểu tối đa	Giảm thiểu tối đa	Giảm thiểu tối đa	Giảm thiểu tối đa	Sở Thông tin & TT
2	Tỷ lệ Đài PT-TH Huyện, Đài truyền thanh cơ sở các xã, phường, thị trấn có chuyên mục nâng cao nhận thức về bình đẳng giới	%	100	100	100	100	100	
VI	Bảo đảm bình đẳng giới trong đời sống gia đình, từng bước xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới							
1	Rút ngắn khoảng cách về thời gian tham gia công việc gia đình của nam so với nữ (Lần)	lần	1,9	1,8	1,7	1,6	1,5	Sở Văn hóa, TT&DL
2	Tỷ lệ nạn nhân bạo lực gia đình được phát hiện, được tư vấn về pháp lý, sức khỏe	%	47,67	48,2	48,5	48,8	50	
3	Tỷ lệ người gây bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn tại các cơ sở tư vấn về phòng chống bạo lực gia đình	%	65	70	75	80	85	
4	Tỷ lệ nạn nhân bị buôn bán trở về được phát hiện được hưởng các dịch vụ hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng	%	85	90	95	100	100	Sở LĐ-TB&XH
VII	Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới							
1	Tỷ lệ văn bản quy phạm pháp luật được xác định nội dung có liên quan đến bình đẳng giới hoặc bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được góp ý thẩm định	%	100	100	100	100	100	Sở Tư pháp
2	Tỷ lệ thành viên tham gia ban soạn thảo dự thảo VBQPPL có nội dung liên quan đến BĐG được tập huấn kiến thức về giới, phân tích giới, lồng ghép giới	%	80	90	100	100	100	
3	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; các huyện, thành, thị bố trí đủ cán bộ làm công tác bình đẳng giới	%	100	100	100	100	100	Sở Nội vụ
4	Hình thành đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác bình đẳng giới và VSTBPN các cấp	%	60	70	80	90	100	Sở LĐ-TB&XH
5	Tỷ lệ cán bộ làm công tác bình đẳng giới và VSTBPN các cấp, các ngành được tập huấn nghiệp vụ ít nhất 1 lần	%	100	100	100	100	100	